TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MÔ** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 6 năm 2019.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con .

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Mão
2. Ông: Nguyễn Văn Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô tham gia phiên toà: Bà Đào Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại phòng xét xử. Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2019/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về " ly hôn, tranh chấp nuôi con " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXX-ST ngày 06 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST ngày 28 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phùng Thị D, sinh năm 1989, có mặt.

Địa chỉ: Xóm 11, xã Khánh Thịnh, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: Anh Phạm Ngọc L, sinh năm 1990, vắng mặt.

Địa chỉ : Xóm 11, xã Khánh Thịnh, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 2 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phùng Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị D và anh Phạm Ngọc L tự do tìm hiểu, hai bên hoàn toàn tự nguyện và đi đến hôn nhân, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Thịnh, huyện Yên Mô vào năm 2011. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do hai bên tính cách không hợp, vợ chồng không có sự tôn trọng nhau, anh L có biểu hiện thiếu chung thủy vợ chồng, quan điểm sống của hai bên khác nhau. Năm 2017 vợ chồng đã ly thân, hai bên không còn quan tâm đến đời sống chung của nhau, nay chị D xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị D làm đơn xin ly hôn anh L.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị và anh Lâm có 02 con chung, cháu Phạm Thị Huyền Tr, sinh ngày 28/8/2015 và cháu Phạm Minh Đ, sinh ngày 19/5/2012. Ly hôn chị xin được nuôi cháu Phạm Thị Huyền Tr. Anh L nuôi cháu Phạm Minh Đ. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về chia tài sản chung và công nợ: Chị D trình bày về tài sản chung và công nợ, vợ chồng chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với anh Phạm Ngọc L sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án, anh L không hợp tác mặc dù Tòa án đã triệu tập nhiều lần, cũng như tống đạt các thủ tục hợp lệ nhưng anh L không có mặt để làm việc. Tòa án đã về tại địa phương cũng như gia đình anh L để làm việc anh L có làm việc nhưng không ký biên bản.

Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị D, anh L tại chính quyền địa phương thể hiện: Về hôn nhân vợ chồng chị D, anh L kết hôn với nhau vào năm 2011, sau ngày cưới sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng sảy ra khoảng 1 đến 2 năm gần đây, chính quyền địa phương cũng chỉ nắm được khi Tòa án về làm việc gia đình anh L không hợp tác với Tòa án trong quá trình làm việc. Gia đình chị D anh L có 2 cháu, hiện nay các cháu đang ở với anh L. Quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến: Về những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước phiên tòa; Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 56, điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12 -2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị D được Ly hôn với anh Phạm Ngọc L; về con: Giao cho chị Phùng Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Huyền Tr, sinh ngày 28/8/2015. Giao cho anh Phạm Ngọc L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Minh Đ, sinh ngày 19/5/2012 cho tới khi thành niên. Hai bên không bên nào phải góp phí tổn nuôi con cho bên nào. Chị D phải nộp án phí dân sự số tiền là 300.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ tại phiên hòa giải được và công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ Luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị D, anh L có hộ

khẩu tại xã Khánh Thịnh, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình nên thuộc thẩm quyền của Tòa án huyện Yên Mô giải quyết, theo Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Phùng Thị D và anh Phạm Ngọc L xây dựng gia đình với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền. Nay chị D xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên đề nghị xin được ly hôn, được quy định tại Điều 56 Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình .

[3] Chị Phùng Thị D và anh Phạm Ngọc L xây dựng gia đình với nhau tự do tìm hiểu, hai bên hoàn toàn tự nguyện và đi đến hôn nhân, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Thịnh, huyện Yên Mô vào năm 2011. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do hai bên tính cách không hợp, vợ chồng không có sự tôn trọng nhau, anh L có biểu hiện thiếu chung thủy vợ chồng, quan điểm sống của hai bên khác nhau. năm 2017 vợ chồng đã ly thân, hai bên không còn quan tâm đến đời sống chung của nhau, nay chị D xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị D làm đơn xin ly hôn anh L.

Anh Phạm Ngọc L sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án, anh L không hợp tác mặc dù Tòa án đã triệu tập nhiều lần, cũng như tống đạt các thủ tục hợp lệ nhưng anh L không có mặt để làm việc. Tòa án đã về tại địa phương cũng như gia đình anh L để làm việc, anh L có làm việc nhưng không ký biên bản. Tòa án ra quyết định xét xử anh L nhận quyết định nhưng không ký biên bản vì vậy Tòa án phải hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phía nguyên đơn đề nghị do mâu thuẫn đã quá trầm trọng, anh L không quan tâm đến vợ, hai vợ chồng gần như không gặp nhau, không quan tâm đến đời sống vật chất cũng như tinh thần của nhau, vợ chồng đã ly thân 2 năm. Nay chị D xác định vợ chồng đã thực sự trầm trọng, để giải phóng cho chị yên tâm làm ăn nuôi dạy con, nên chị làm đơn xin được ly hôn với anh L. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xử cho chị D được ly hôn với anh L là phù hợp căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị và anh L có 02 con chung, cháu Phạm Thị Huyền Tr, sinh ngày 28/8/2015 và cháu Phạm Minh Đ, sinh ngày 19/5/2012. Ly hôn chị D đề nghị xin được nuôi cháu Phạm Thị Huyền Tr, còn anh L nuôi cháu Phạm Minh Đ. Việc đề nghị của chị D về nuôi con là chính đáng để đảm bảo sự phát triển và điều kiện về kinh tế của các bên cũng như đảm bảo sự phát triển bình thường cho các cháu.

Giao cho chị D là người trực tiếp nuôi cháu Tr, anh L là người trực tiếp nuôi cháu Đ cho đến khi các cháu thành niên. Căn cứ điều 81, Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Phùng Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 và Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12 -2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Cho chị Phùng Thị D ly hôn với anh Phạm Ngọc L .

2. Về con: Giao cho chị Phùng Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Huyền Tr, sinh ngày 28/8/2015.

Giao cho anh Phạm Ngọc L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Minh Đ, sinh ngày 19/5/2012

Hai bên không bên nào phải đóng góp nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Phùng Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị D đã nộp theo biên lai số: AA/2016/ 0001980 ngày 26/2/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mô tỉnh Ninh Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Chị D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Mô;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô;
- UBND xã Khánh Thịnh, h Yên Mô;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Phan Ngọc Hà